

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày 20-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi
2. Ông Hồ Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2023/TLST-DS ngày 10/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Số E đường N, khu phố D, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Lê Thị L** trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với bà **Nguyễn Thị Thanh T** nên vào tháng 09/2022 bà **T** nói đang khó khăn về kinh tế cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên bà **L** cho bà **T** vay tổng

số tiền là: 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 07/9/2022 với thời hạn vay 03 tháng từ ngày 07/09/2022 đến ngày 07/12/2022.

Đến hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không chịu hợp tác và luôn tìm cách tránh mặt bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị L số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả được tính theo mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 20/02/2024: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 440 \text{ ngày} = 12.173.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền bà Lê Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả là 112.173.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy vay tiền ngày 07/9/2022.

- Tại bản tự khai ngày 03/01/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ngày 07/9/2022 bà T có vay của bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 07/9/2022 để làm ăn. Hai bên không có thỏa thuận lãi. Nhưng do làm ăn khó khăn nên bà T không thực hiện trả số tiền như thời gian đã cam kết. Nay bà T xác nhận có vay bà L số tiền 100.000.000 đồng và xin được trả dần.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng vay tiền theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng: Giấy mượn tiền ngày 07/9/2022. Bị đơn chưa trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm. Mức lãi suất của nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ vay tiền giữa bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị Thanh T, theo lời khai của bà L, bà T và các chứng cứ do bà L cung cấp trong quá trình tố tụng thể hiện: Tổng số

tiền bà **L** cho bà **T** vay là 100.000.000 đồng, được thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 07/9/2022.

[3] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 07/9/2022, bà **Lê Thị L** cho bà **Nguyễn Thị Thanh T** vay số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 07/9/2022. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Theo thỏa thuận của hai bên tại Giấy vay tiền ngày 07/9/2022, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 07/09/2022 đến ngày 07/12/2022. Căn cứ quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Cả bà **L** và bà **T** đều xác định từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay bà **T** chưa trả cho bà **L** khoản tiền nào. Bị đơn bà **T** cho rằng do làm ăn khó khăn nên bà **T** không thực hiện trả số tiền nợ theo đúng thời hạn đã cam kết. Vì vậy, nay bà **L** khởi kiện yêu cầu bà **T** trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tiền lãi, tại giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi, chỉ thỏa thuận đến ngày 07/12/2022, bà **T** phải trả đầy đủ tiền nợ gốc. Như vậy, xác định thỏa thuận vay giữa các bên là vay có thời hạn và không có lãi. Đến hạn trả nợ bà **T** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự, lãi suất chậm trả được tính là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 20/02/2024 trên số tiền chậm trả tương ứng tương đương 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 440 ngày = 12.173.000 đồng. Yêu cầu của bà **L** về tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho bà **Lê Thị L** theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị L** đối với bà **Nguyễn Thị Thanh T**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải trả cho bà **Lê thị L1** số tiền nợ tính đến ngày 20/02/2024 là 112.173.000 (một trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, trong đó bao gồm: tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi 12.173.000 (mười hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 5.608.000 (năm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn) đồng. Trả lại cho bà **Lê Thị L** 2.860.000 (hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006811 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (03);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS TP. Dĩ An (01);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh